

PHÂN LOẠI CẤU TRÚC, QUY MÔ CỦA GIA ĐÌNH NGƯỜI SÁN DÌU

(Nghiên cứu tại xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang)

HOÀNG PHƯƠNG MAI

Giống như nhiều dân tộc anh em khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, gia đình của người Sán Dìu là nơi bảo lưu một phần đáng kể các yếu tố văn hóa truyền thống, là nơi biểu hiện các chân giá trị về chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ, tâm lý, mối quan hệ giữa con người với con người và con người với xã hội.

Bài viết trình bày về phân loại cấu trúc, quy mô gia đình của người Sán Dìu tại xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương của tỉnh Tuyên Quang từ truyền thống đến hiện nay. Qua đó cho thấy xu hướng thích nghi và phát triển bền vững của gia đình người Sán Dìu trong bối cảnh hiện tại.

Địa bàn nghiên cứu là xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, nơi người Sán Dìu sống tập trung đông nhất trong tỉnh với 73,4% dân số toàn xã, là nơi còn lưu giữ nhiều nhất bản sắc văn hóa và thể hiện rõ rệt các đặc trưng kinh tế tộc người. Xã Ninh Lai có ranh giới giáp với hai tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Phúc và gần với quốc lộ số 2, giữ vị trí quan trọng trong huyết mạch giao thông từ Hà Nội đi các tỉnh Đông Bắc, đồng thời nằm trong vành đai hệ thống chân núi Tam Đảo mang tính đặc thù của vùng chuyển tiếp giữa trung du và miền núi.

1. Những tiêu chí phân loại gia đình

Nhiều nhà nghiên cứu dân tộc học chia gia đình làm hai loại là gia đình lớn và gia đình nhỏ. Tác giả Clark W. Soransen trong cuốn *Bức khám văn hóa châu Á* (1993) đã dựa trên hai tiêu chí: số lượng và kiểu kết hôn để phân loại gia đình châu Á thành gia đình giản đơn và gia đình phức hợp. Hai loại gia đình này cũng tương tự như gia đình lớn và gia đình nhỏ, tuy nhiên gia đình phức hợp được giải thích bao gồm có hơn một cặp hôn nhân và được chia làm hai dạng: gia đình phát sinh (gồm hai cặp hôn nhân hoặc hơn, hai trong số họ không cùng một thế hệ) và gia đình kết hợp (cũng gồm hơn hai cặp hôn nhân nhưng họ lại cùng chung một thế hệ).

Cách phân chia trên tương đồng với quan điểm của Emily A. Schultz và Robert H. Lavanda trong *Nhân học - một quan điểm về tình trạng nhân sinh* (2001). Theo hai tác giả này, gia đình được phân loại thành: gia đình hạt nhân, gia đình hạt nhân mở rộng ba thế hệ (cha mẹ và con cái đã kết hôn) và gia đình liên hợp những anh em (chị em) cùng gia đình của họ chung sống.

Các nhà nghiên cứu Việt Nam cũng đưa ra nhiều ý kiến khác nhau về cách phân loại gia đình. Tác giả Phạm Quang Hoan cho rằng: *Khi nói đến quan hệ thân thuộc thì có*

hai loại quan hệ chính quyết định phân loại gia đình đó là: quan hệ sinh thành và quan hệ giữa những người sinh ra từ một ông tổ chung (bà tổ chung nếu theo chế độ mẫu hệ) hay còn gọi là quan hệ thân tộc theo bàng hệ (Phạm Quang Hoan, 1985). Như vậy, muốn phân loại gia đình, trước hết phải chỉ ra những đặc điểm cụ thể để phân loại, trong đó tiêu chí đầu tiên xác định phân loại gia đình phụ thuộc vào tính chất của những mối quan hệ thân tộc.

Theo tác giả Vũ Đình Lợi: *Loại hình gia đình phải được quyết định chủ yếu bởi quan hệ hôn nhân và quan hệ kinh tế của cặp hôn nhân tồn tại trong gia đình. Khi xếp gia đình vào hình thức nào phải căn cứ vào yếu tố kinh tế, từ hình thức sở hữu đối với tài sản đến cách tổ chức sản xuất, phương thức tiêu dùng sản phẩm và số cặp vợ chồng cùng tồn tại trong gia đình, cùng nhau thực hiện chức năng kinh tế đó* (Vũ Đình Lợi, 1994). Vì vậy, tiêu chí thứ hai để phân loại gia đình là xác định các thành viên trong một gia đình phải có chung sở hữu, chung mục tiêu, chung sản xuất kinh tế và cùng nhau thực hiện chức năng kinh tế của gia đình.

Trần Đình Hượu (1990) cho rằng gia đình Việt Nam là *loại gia đình hạt nhân mở rộng*. Nghĩa là: một gia đình lớn không nhất thiết phải là gia đình có từ ba thế hệ trở lên, hay đông thành viên, bởi bản chất của gia đình Việt Nam không phải là cộng cư nhiều thế hệ và tập hợp nhiều cặp hôn nhân trong một gia đình. Loại hình phổ biến là các hộ gia đình hạt nhân mở rộng có một đến hai cặp hôn nhân, một đến ba thế hệ và những người chưa lập gia đình...

Căn cứ vào các tiêu chí để phân loại gia đình như trên và đặc điểm kinh tế - xã hội của

người Sán Dìu ở Ninh Lai, có thể phân loại gia đình Sán Dìu thành ba loại hình: gia đình hạt nhân (trong đó có gia đình hạt nhân đầy đủ và gia đình hạt nhân không đầy đủ), gia đình hạt nhân mở rộng và gia đình lớn phụ hệ.

2. Cấu trúc của gia đình

Tác giả Phạm Quang Hoan trong *Gia đình, bản chất, cấu trúc, loại hình* (1988) đã đưa ra nhận định: *Cấu trúc gia đình mang những đặc điểm của tộc người, được phản ánh qua mối quan hệ qua lại giữa vợ và chồng là người đồng tộc hay thuộc các tộc người khác, qua mối quan hệ qua lại giữa cha mẹ và con cái, mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình*. Giống như nhận định trên, với tộc người Sán Dìu, việc xác định cấu trúc gia đình có ý nghĩa quan trọng làm nền tảng phân tích nên bối cảnh gia đình tộc người.

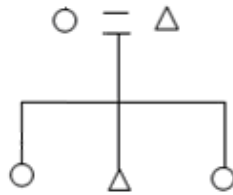
Phỏng vấn những người cao tuổi trong xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang cho thấy, trước đây tộc người Sán Dìu tồn tại *gia đình lớn và gia đình hạt nhân*. Trong gia đình hạt nhân có *gia đình hạt nhân không đầy đủ và gia đình hạt nhân mở rộng*. Có thể phân loại gia đình người Sán Dìu thành các dạng cấu trúc theo sơ đồ như sau:

- *Gia đình hạt nhân*: Là đơn vị gia đình nhỏ nhất, bao gồm một cặp vợ chồng và con cái chưa kết hôn của họ. Trong gia đình bao gồm ít nhất các trực quan hệ cơ bản sau: quan hệ vợ - chồng, quan hệ cha mẹ - con cái, gia đình có từ hai con trở lên thì thêm trực quan hệ giữa con cái với nhau, tức là quan hệ anh chị em. Đây là kiểu gia đình có xu hướng ngày càng phổ biến trong xã hội người Sán Dìu. Nghiên cứu cho thấy, có thể tách quan hệ cha mẹ và con cái thành quan hệ cha với con trai, cha với con gái; mẹ với con trai, mẹ với con gái. Sự phân biệt này do sự khác biệt

về chất trong từng nhánh quan hệ, nhất là yếu tố trọng nam như xã hội Sán Dìu, có ít nhiều sự phân biệt đối xử giữa con trai và con gái, quan hệ giữa cha mẹ với con trai và con gái của họ cũng có sự khác nhau.

+ *Gia đình hạt nhân đầy đủ*: là loại gia đình có đầy đủ các mối quan hệ: chồng, vợ, các con; chỉ gồm hai thế hệ cha, mẹ và con cái chưa kết hôn, có cùng đơn vị kinh tế, sản xuất tiêu dùng chung (Sơ đồ 1).

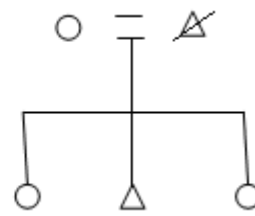
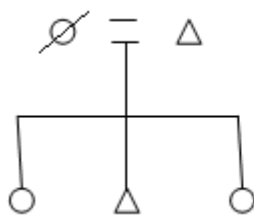
Sơ đồ 1. Cấu trúc gia đình hạt nhân đầy đủ



+ *Gia đình hạt nhân không đầy đủ*: là loại gia đình trong đó không đầy đủ các mối quan hệ: chồng, vợ và các con, nghĩa là trong

đó chỉ tồn tại quan hệ của chỉ người vợ với người chồng (tức là bố hoặc mẹ với các con chưa kết hôn) (Sơ đồ 2).

Sơ đồ 2. Cấu trúc gia đình hạt nhân không đầy đủ



Chú thích:

○ = △	Quan hệ hôn nhân	○	Nam	⊘	Đã mất
○ △	Quan hệ sinh thành	△	Nữ	⊘	Đã mất

+ *Gia đình hạt nhân mở rộng*: Bên cạnh mối quan hệ vợ chồng với các con, trong gia đình hạt nhân mở rộng còn có thêm mối quan hệ với thành viên khác trong cùng huyết

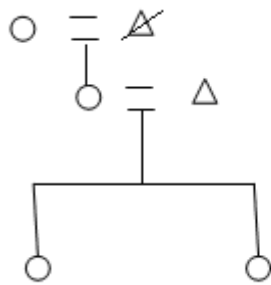
thống (như ông bà, anh chị em họ, cô, dì, chú, bác) cùng chung sống trong một đơn vị kinh tế. Các thành viên trong gia đình cũng được xếp đặt trong chế độ gia trưởng với

quyền lãnh đạo gia đình là người đàn ông cao tuổi nhất.

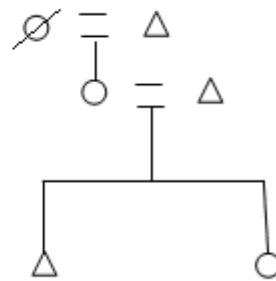
Có thể hiểu kiểu gia đình này là sự mở rộng gia đình hạt nhân theo chiều dọc, ví dụ bao gồm thành viên thế hệ thứ ba (như bố, mẹ chồng hoặc bố, mẹ vợ), hay theo chiều ngang gồm cả các thành viên của thế hệ ngang hàng với người vợ hoặc người chồng (anh, chị, em). Gia đình mở rộng, có thể nói, là dạng

trung gian giữa gia đình hạt nhân và gia đình lớn nhiều thế hệ. Gia đình mở rộng thêm sự có mặt của thế hệ thứ ba nhưng không có quan hệ hôn nhân (tức là chỉ có bố hoặc mẹ của người vợ hoặc chồng). Những mở rộng theo chiều ngang với các thành viên cùng thế hệ không được gọi là gia đình nhiều thế hệ. Với nghiên cứu này, chúng tôi xếp gia đình mở rộng là gia đình hạt nhân mở rộng (Sơ đồ 3).

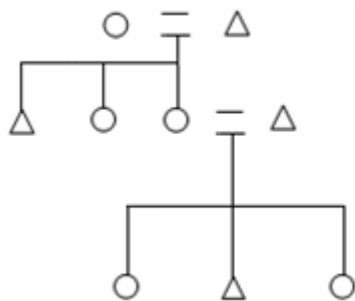
Sơ đồ 3. Cấu trúc gia đình hạt nhân mở rộng



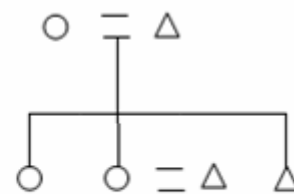
Hai vợ chồng sống với mẹ chồng và các con



Hai vợ chồng sống với bố chồng và các con



Hai vợ chồng sống với bố mẹ chồng cùng anh (em) trai, chị (em) gái của chồng và các con



Hai vợ chồng sống với bố mẹ chồng cùng anh (em) trai, chị (em) gái của chồng và chưa có con

- *Gia đình lớn phụ hệ*: thường được coi là gia đình truyền thống liên quan tới dạng gia đình trong quá khứ. Đó là một nhóm người ruột thịt của một vài thế hệ sống chung với nhau dưới một mái nhà, thường từ ba thế hệ trở lên.

Đối với xã hội Sán Dìu, gia đình lớn nhiều thế hệ được chi phối bởi chế độ phụ hệ. Gia đình gồm các mối quan hệ cha mẹ với con cái, quan hệ vợ chồng, quan hệ ông bà với cháu; với những gia đình lên đến bốn thế hệ thì có quan hệ cụ với cháu.

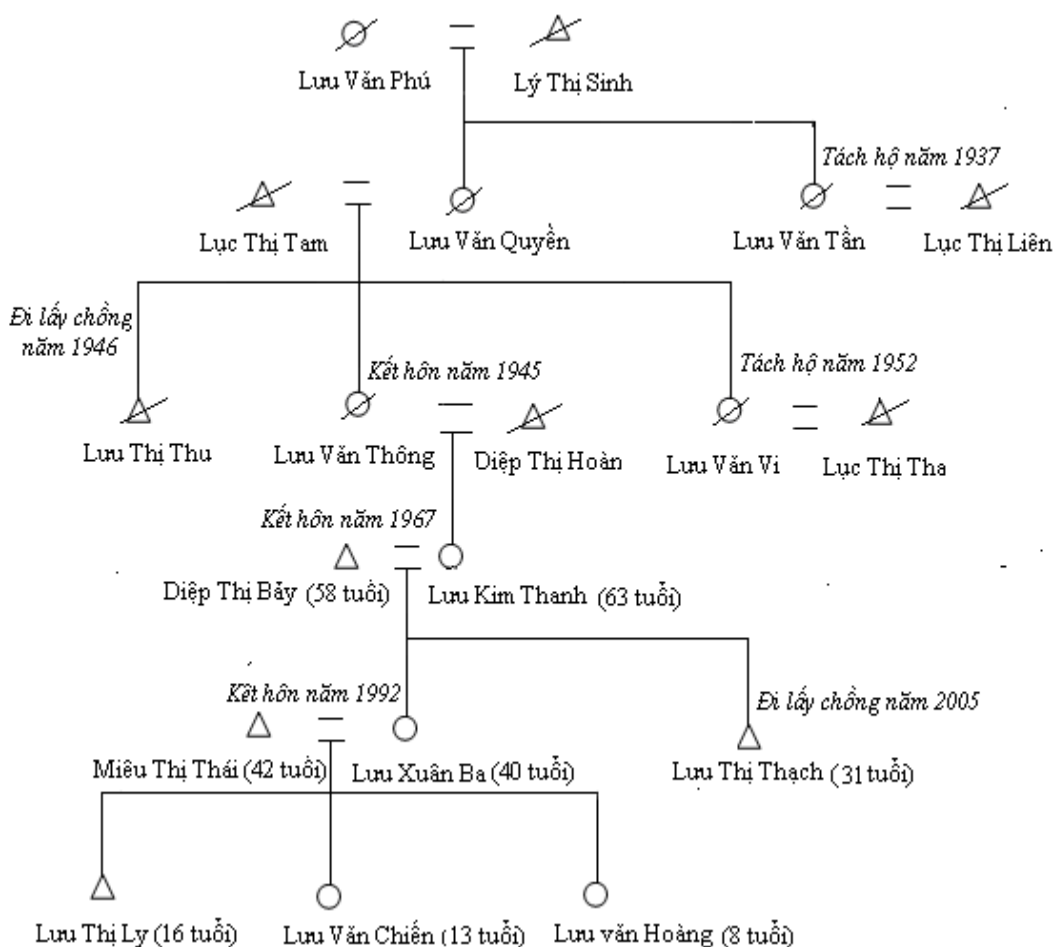
Dạng truyền thống của gia đình lớn là gia đình gia trưởng, ngoài mối quan hệ trực hệ như trên, có thể gồm cả những người ruột thịt từ tuyến phụ - những người lẻ không có quan hệ hôn nhân hoặc liên kết ít nhất một vài gia đình nhỏ. Các thành viên trong gia đình được xếp đặt trật tự theo ý muốn của người lãnh đạo gia đình mà thường là người đàn ông cao tuổi nhất trong gia đình.

Gia đình lớn có ưu thế trong việc tập trung nhân lực cho sản xuất gia đình, các thế hệ cũng có thể giúp đỡ nhau về kinh nghiệm sống. Tuy nhiên, loại hình gia đình này dễ dẫn đến khác biệt và mâu thuẫn thế hệ cũng như những sinh hoạt trong cuộc sống, cần có sự nỗ lực lớn của các thành viên để vượt qua xu hướng chia tách.

Ngày nay, gia đình lớn thường gồm cặp vợ chồng, con cái và bố mẹ của họ hoặc thêm những người anh chị em cùng huyết thống chung sống trong một hộ, có chung kinh

Sau đây là gia phả ghi chép 6 đời của gia đình ông Lưu Kim Thanh ở thôn Hội Kế, xã Ninh Lai (Sơ đồ 4). Gia đình ông là một trong những hộ khai hoang, lập làng đầu tiên ở Ninh Lai.

Sơ đồ 4. Gia phả 6 đời của gia đình ông Lưu Kim Thanh ở thôn Hội Kế, xã Ninh Lai



Gia phả trên cho thấy, ở tộc người Sán Dìu đã từng tồn tại những gia đình có từ ba đến bốn thế hệ, với hai đến ba cặp hôn nhân cùng chung sống; vì vậy, số lượng thành viên trong một gia đình khá đông [thông thường gồm cụ ông (hoặc cụ bà); ông bà; các con trai, con gái, con dâu với nhiều hơn một cặp hôn nhân và các con của họ]. Như vậy, trong một gia đình có từ 3 đến 4 tầng quan hệ: quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ với con cái, quan hệ ông bà với cháu và có thể cả giữa cụ và cháu. Qua thực tế trên, cũng nhận thấy rằng, gia đình lớn phụ hệ của người Sán Dìu có hai hay nhiều hơn các cặp hôn nhân cùng chung sống trong một mái nhà, có kinh tế chung. Tuy nhiên, nếu có điều kiện, con trai đã lập gia đình sẽ ra ở riêng sau 2 đến 5 năm chung sống với bố mẹ.

Ở người Sán Dìu, có loại gia phả ghi chép tên từng thành viên của dòng họ; có loại mỗi hộ gia đình một cuốn riêng được lập khi tách ra thành hộ mới. Nhờ có gia phả này sẽ biết được ngày giờ sinh của mỗi thành viên, sau đó đối chiếu với sách cổ của người Sán Dìu để chọn ngày tốt quyết định các công việc hệ trọng của cuộc đời (như cưới xin, dựng nhà, xuất hành, làm ăn, làm ma...).

Phỏng vấn sâu một số người lớn tuổi ở xã Ninh Lai cho thấy, đến trước Cách mạng tháng Tám (1945), gia đình người Sán Dìu đã không còn tồn tại kiểu tứ đại, ngũ đại đồng đường (bốn, năm đời), cùng sinh sống, cùng sản xuất, mà tách ra thành các gia đình nhỏ sau khi con cái lập gia đình. Hình thức chủ yếu là gia đình có hai đời (bố mẹ sống cùng con cái) và gia đình ba đời (có bố, mẹ, con cái và ông, bà); số gia đình bốn đời (bố, mẹ, con cái, ông, bà và cụ ông hoặc cụ bà) còn không nhiều.

3. Quy mô gia đình

Một hộ gia đình được xác định là những người cùng sống trong một ngôi nhà hoặc một đơn vị nơi ở, chia sẻ việc chi tiêu và thường ăn chung. Các hộ gia đình người Sán Dìu ở Ninh Lai hầu hết gồm các thành viên được xác định là những người liên quan bởi họ hàng, quan hệ hôn nhân hoặc quan hệ sinh thành. Một số trường hợp khác có thể kể đến như con nuôi hoặc người làm thuê cho gia đình, nhưng số này rất ít.

Quy mô gia đình được thể hiện trước tiên qua số lượng các thành viên trong gia đình. Trong xã hội truyền thống, người Sán Dìu có quan niệm nhiều con, nhiều cửa, mỗi con mỗi lộc là phổ biến; con cái là nguồn lao động của gia đình, là nơi nương tựa của cha mẹ lúc tuổi già. Với đặc điểm kinh tế nông nghiệp lao động giản đơn dựa vào sức người là chính, nhu cầu thu hút nhân lực vào hoạt động sản xuất của gia đình đã góp phần làm hạ thấp tuổi kết hôn, tỷ lệ sinh đẻ trong các gia đình luôn cao. Mọi gia đình và dòng họ đều muốn có nhiều con cháu, đồng thời do tư tưởng trọng nam khinh nữ, muốn có con trai để nối dõi tông đường, phụng dưỡng cha mẹ và gánh vác các công việc lễ nghi quan trọng của gia đình, nên dân số ngày một tăng cao.

Do điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên việc xây dựng nhà cửa cũng như sửa chữa các vật dụng cho một gia đình rất hạn chế. Vì thế, các cặp vợ chồng mới cưới không có xu hướng tách hộ và xây dựng ngay ngôi nhà riêng của mình mà sống chung với bố mẹ chồng một thời gian. Họ chỉ tách ra ở riêng khi đã tự tổ chức được hoạt động kinh tế sản xuất, con cái đã lớn và biết phụ giúp các hoạt động sản xuất cho gia đình.

Quy mô hộ gia đình cũng là một hàm số của số con trong gia đình (phản ánh mức độ sinh đẻ) và những người đã trưởng thành cùng ở chung. Ninh Lai là nơi thuần túy nông nghiệp lúa nước nên gia đình nào cũng muốn sinh nhiều con để có nhân lực trong lao động, mỗi cặp vợ chồng thường sinh từ 3 đến 5 con. Các gia đình sống mật tập với nhau và có nhiều cặp hôn nhân là các cặp vợ chồng của các anh em cùng tham gia sản xuất chung, phân phối lao động theo quy định chung của Nhà nước về sản xuất tập thể tại hợp tác xã nông nghiệp. Vì vậy, quy mô số người trong một gia đình ba đến bốn thế hệ luôn khoảng trên một chục người, còn với gia đình hạt nhân trung bình cũng từ 6 đến 8 thành viên vì có nhiều con.

Như vậy, trong làng của người Sán Dìu, tồn tại cả mô hình gia đình hạt nhân và gia đình lớn ba, bốn thế hệ cùng chung sống với đặc trưng truyền thống không tách biệt với họ hàng thân thuộc của mình. Vì vậy, các gia đình hạt nhân thường sống liền kề với gia

đình cha mẹ. Điều đó cho thấy thiết chế thân tộc như một sự bổ sung tích cực cho gia đình hạt nhân, không chỉ là chỗ dựa về kinh tế khi cần thiết mà còn là chỗ dựa về tình cảm và có vai trò quan trọng trong kiểm soát xã hội của người Sán Dìu truyền thống.

4. Những biến đổi về cấu trúc, quy mô của gia đình người Sán Dìu

Hiện nay, người Sán Dìu ở Ninh Lai không còn tồn tại gia đình lớn gồm ba hoặc bốn cặp vợ chồng trở lên theo trục hệ hay bàng hệ có chung một đơn vị kinh tế, hay các gia đình 4 thế hệ (có quan hệ cụ và chắt). Mô hình gia đình hạt nhân chiếm ưu thế tuyệt đối, chủ yếu là các gia đình hạt nhân hai thế hệ và gia đình hạt nhân mở rộng (Bảng 1).

Hiện nay, phổ biến loại hình gia đình có hai vợ chồng sống với bố mẹ chồng và các con, nếu coi đây là gia đình lớn phụ hệ thì chưa sát thực. Các cặp vợ chồng sống chung với bố mẹ nhưng có kinh tế riêng, do đó có thể xếp vào loại gia đình hạt nhân mở rộng.

Bảng 1. Số lượng thành viên trong gia đình ở một số thôn ở xã Ninh Lai

Tên thôn	Số hộ	Hộ có 3 - 5 người	Hộ có 6 - 10 người	Hộ trên 10 người
Ninh Bình	78	46	31	1
Ninh Lai	106	55	49	2
Ninh Hòa	69	37	32	0
Hợp Tân	72	51	21	0
Hội Kế	75	39	36	0
Cây Đa 2	91	61	29	1
Hợp Hòa	82	42	40	0

Nguồn: Số liệu thống kê của UBND xã Ninh Lai năm 2013.

Bảng 1 cho thấy số lượng các hộ gia đình có từ 3 đến 5 người chiếm tỷ lệ nhiều nhất (trên 50% tổng số hộ của các thôn), tiếp sau đó là các gia đình có từ 6 đến 12 người chiếm gần 40% tổng số hộ. Đa số các gia đình có từ 3 đến 7 người là các gia đình hạt nhân và gia đình hạt nhân mở rộng. Các gia đình trên 12 người chiếm số lượng rất nhỏ. Qua đó cho thấy cấu trúc gia đình lớn nhiều thể hệ không còn tồn tại phổ biến ở Ninh Lai. Qua điều tra 50/78 hộ gia đình ở thôn Ninh Bình, xã Ninh Lai cho thấy, có đến 15 gia đình (chiếm 30%) theo mô hình hạt nhân hai thế hệ, 19 gia đình có mô hình hạt nhân mở rộng (chiếm 38%). Sự tồn tại tương đối ổn định lâu đời của kiểu gia đình này trong xã hội Sán Dìu khẳng định tính hợp lý của chúng trong điều kiện xã hội nông thôn Việt Nam nói chung, vừa bảo đảm quá trình hạt nhân hóa tiến bộ, vừa bảo đảm nhu cầu mọi mặt đặc biệt là sự cân bằng tâm lý và tình cảm của đời sống người già, lợi ích giáo dục và phát triển các truyền thống văn hóa gia đình.

Cha mẹ khi về già thường quyết định ở với một người con trai chứ không ở luân phiên nhà các con, nên số thành viên trong một gia đình ổn định, không có sự biến động. Kết quả điều tra ở thôn Ninh Bình, xã Ninh Lai cho thấy, 46% bậc cha mẹ quyết định khi về già ở với con nào cũng được, 20% ở với con trai út, 16% ở với con trai đầu. Điều tra cũng cho thấy mô hình cha mẹ sống chung với con cái chiếm đại đa số (84%). Việc cha mẹ già sẽ sống với người con nào trong gia đình quyết định đến quy mô và số lượng người trong gia đình có người già sinh sống. Tư tưởng không lựa chọn người con ở cùng khi về già là một quan niệm tiến bộ. Điều đó cũng dẫn đến việc phân chia tài sản thừa kế

trong gia đình cũng bình đẳng hơn và không phân biệt con cả, con thứ.

Nghiên cứu nhận thấy rằng nữ giới thường lựa chọn phương án “sống cạnh nhà” cao hơn nam giới. Điều đó phản ánh tâm lý người phụ nữ nhận thức được rõ việc sống cạnh nhà cha mẹ sẽ nhận được hỗ trợ từ ông bà trong việc chăm sóc con cái hoặc những việc nhỏ trong nhà. Cha mẹ ở gần cũng là điều kiện tốt để con cái thăm hỏi sức khỏe thường xuyên, đó cũng là trách nhiệm và lòng hiếu thuận của con cái.

Qua điều tra 50 hộ gia đình ở thôn Ninh Bình, xã Ninh Lai cho thấy đa số gia đình có từ 2 đến 3 con. Một số hộ có anh chị, em họ hoặc cháu ở cùng, không thấy trường hợp người ngoài huyết thống chung sống trong một gia đình. Hiện nay, số lượng thành viên trong một hộ gia đình đã có chiều hướng giảm đi rõ rệt, mỗi gia đình trung bình có từ 6 đến 7 người và xu hướng tách hộ ngày càng nhiều, do đó quy mô gia đình cũng thu nhỏ hơn trước đây.

5. Nguyên nhân biến đổi cấu trúc, quy mô gia đình người Sán Dìu

Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến xu hướng biến đổi cấu trúc, quy mô gia đình người Sán Dìu là các chính sách của Đảng và Nhà nước ta từ khi đất nước đổi mới năm 1986, đặc biệt là chính sách Khoán 10 năm 1988 với chủ trương giao đất sản xuất ổn định cho hộ gia đình cá nhân và đến Hiến pháp 1992 cùng Luật đất đai 1993 cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, đã cho phép người dân chủ động làm giàu trên mảnh đất của mình. Điều này khiến xu hướng tách các hộ gia đình lớn nhiều thế hệ, hộ có nhiều cặp hôn nhân thành các hộ gia đình hạt nhân ngày càng phổ biến hơn.

Cùng chung xu hướng phát triển của đất nước, các ngành nghề kinh tế của địa phương ngày một đa dạng, các hộ gia đình ngày càng có xu hướng tách nhỏ hơn và việc tách hộ ngay sau khi kết hôn được hình thành. Đặc biệt là gia đình khuyết thiếu (thiếu cha hoặc mẹ) có xu hướng tăng do tình trạng đi làm ăn xa của thành viên gia đình trong độ tuổi lao động.

Trình độ mặt bằng dân trí của đồng bào Sán Dìu ở Tuyên Quang ngày càng được nâng cao, nên việc truyền bá các chủ trương, đường lối của Đảng nói chung và chính sách kế hoạch hóa gia đình nói riêng cũng đạt hiệu quả tốt, khiến tỷ lệ sinh giảm hẳn. Chính vì vậy, số con trong mỗi gia đình giảm hơn so với trước đây và số lượng thành viên trong mỗi gia đình cũng giảm đi rõ rệt.

6. Kết luận

Gia đình của người Sán Dìu ở Tuyên Quang hiện nay đã có một diện mạo mới với cấu trúc và quy mô hiện đại hơn, phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn xã hội. Những biến đổi đó tạo nên bộ mặt mới của gia đình người Sán Dìu, giúp đồng bào tự chủ hơn về kinh tế và tiếp cận văn hóa thông tin dễ dàng, tạo lập vị thế của mỗi cá nhân trong xã hội và tự tìm ra được cách thức xây dựng gia đình ổn định và hài hòa với sự phát triển chung của toàn xã hội. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Grant, Evans (1993), *Asia's Cultural Mosaic - An Anthropological Introduction (Bức khảm văn hóa Châu Á - Tiếp cận Nhân học)*, Prentice Hall, Simon & Schuster (Asia) Pte Ltd, Singapore.
2. Phạm Quang Hoan (1985), “Vài suy nghĩ về phương pháp phân loại gia đình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 40-45.
3. Phạm Quang Hoan (1988), “Gia đình, bản chất, cấu trúc, loại hình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1-2, tr. 10-16.
4. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật của chính phủ, *Sổ tay báo cáo viên pháp luật số 2/2000, Giới thiệu luật hôn nhân và gia đình năm 2000*.
5. Trần Đình Hượu (1990), “Hiểu gia đình truyền thống - đổi mới chứ không phải phục cổ”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 3, tr. 6-8.
6. Vũ Đình Lợi (1994), “Hình thức và khuynh hướng phát triển của gia đình mẫu hệ ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 2, tr. 49-54.
7. Hoàng Phương Mai (2012), *Gia đình của người Sán Dìu ở Tuyên Quang - Truyền thống và biến đổi*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Schultz, Emily A. và Robert H. Lavanda (2001), *Nhân học - một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.